

# KHÓ KHĂN CỦA NGƯỜI HỌC VIỆT NAM TRONG VIỆC NÓI TIẾNG ANH MỘT CÁCH TỰ NHIÊN: NGUYÊN NHÂN VÀ HƯỚNG KHẮC PHỤC

○ NGUYỄN THỊ PHƯỚC BÌNH\*

1. Trong quá trình học tập và thực hành tiếng Anh, người Việt Nam gặp không ít khó khăn trong việc nỗ lực nói tiếng Anh một cách tự nhiên và lưu loát. Những khó khăn, đôi khi từ yếu tố khách quan như sự khác nhau một cách căn bản về cách phát âm, thứ tự từ trong câu, trọng âm của từ và câu... còn có những khó khăn chủ quan về trình độ, khả năng người học.

Như chúng ta đã biết, mục đích của quá trình học một ngoại ngữ là đạt được năng lực giao tiếp (communicative competence) bằng thứ tiếng đó. Năng lực giao tiếp bao gồm nhiều yếu tố tạo thành, trong đó muốn giao tiếp thành công, ngoài việc hiểu biết các quy ước giao tiếp cộng đồng, nắm vững các hình thái ngôn ngữ, người học còn cần nói ngôn ngữ đó một cách chính xác và tự nhiên.

Từ trước đến nay, dạy tiếng Anh ở Việt Nam đã quen với việc tập trung giảng dạy cấu trúc và từ loại, chưa chú tâm nhiều đến những khó khăn có thật của người học trong quá trình tiếp nhận một ngôn ngữ mới, dẫn đến người học cảm thấy rất khó khăn trong nỗ lực giao tiếp bằng tiếng Anh một cách tự nhiên, từ đó mất tự tin trong giao tiếp.

2. Khó khăn đầu tiên đối với người học Việt Nam là cụm phụ âm (consonant clusters) trong tiếng Anh như *spl* trong *splash*, *spr* trong *spring*, *nts* trong *against*, *θ* trong *eighth*... Tiếng Việt không có cụm phụ âm (như Peter Avery và Susan Ehrlich nhận định trong quyển *Teaching American English pronunciation*). Điều này gây khó khăn rất nhiều cho người Việt Nam trong nỗ lực phát âm một cách chính xác và tự nhiên những từ có các cụm phụ âm như trên. Họ thường có khuynh hướng lược bỏ 1 hoặc vài phụ âm trong chuỗi phụ âm đó. Trong một vài trường hợp, người học sẽ nói /li:z/ cho từ *please* thay vì phải nói /pli:z/ hay /kru:/ thay vì /skru:/ cho từ *screw*...

hoặc thêm những âm chèn vào các cụm phụ âm như: *sitar*, *sityle* or *sichool* cho *star*, *style* hay *school*. Trong những trường hợp này, người dạy cần kiên nhẫn hướng dẫn học viên cách phát âm, yêu cầu họ nhìn vào miệng giáo viên, bắt chước cách phát âm của giáo viên và luyện tập tích cực, thường xuyên. Nhất là những cụm phụ âm có phụ âm đầu là một phụ âm hai môi như *p*, *b*,... người nói phải chạm nhẹ hai môi trước khi tiếp tục với phụ âm khác trong chuỗi phụ âm.

Khó khăn kế tiếp là việc phát âm âm đuôi (ending sound) trong tiếng Anh, nhất là đối với người lớn, tiếp cận với tiếng Anh muộn. Khi nói tiếng Việt, chúng ta không tách phụ âm đuôi mà phụ âm đuôi kết hợp với nguyên âm chính tạo thành một vần như trong *cam*, *tốt*, *canh*. Trong khi đó, khi nói tiếng Anh, âm đuôi được xem là rất quan trọng, đôi khi chính phụ âm đuôi là yếu tố phân biệt một số từ đồng âm trong tiếng Anh như *why*, *wife*, *wives*, *wide*, *wise*, *wild*, *white*... Người học Việt Nam thường bỏ mất phụ âm đuôi khi nói tiếng Anh, khiến cho tiếng Anh của họ không chính xác, không tự nhiên và quan trọng hơn là dẫn đến một số hiểu sai trong giao tiếp như *kiss* ( hôn ) *kick* ( đá ), *wife* ( vợ ) *wine* ( rượu )... Ngoài ra, phụ âm đuôi trong tiếng Anh còn là dấu hiệu để phân biệt danh từ thường ở dạng số ít và số nhiều như *book* - *books*, *box* - *boxes*, *watch* - *watches*,... động từ thường ở ngôi thứ ba số ít, chẳng hạn như: *teach* - *He teaches*, *walk* - *She walks*,... dạng quá khứ của động từ như: *stop* - *stopped* /t/, *listen* - *listened* /d/... Do tầm quan trọng của phụ âm đuôi như vậy, nên khi người nói phát âm không đầy đủ phụ âm đuôi thì sẽ gặp khó khăn trong giao tiếp. Để khắc phục vấn đề này, người dạy cần giúp cho người học nhận thức rõ tầm quan trọng của phụ âm đuôi trong tiếng Anh, luyện tập từ những từ đơn giản trước

\* Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Thủ Dầu Một

như *get, meet, book,...* sau đó với những từ khó hơn như *stopped, helped, taxed, texts,...* từ tốc độ chậm đến nhanh hơn. Cần hướng dẫn thêm về phụ âm vô thanh và hữu thanh trong tiếng Anh để giúp người học phân biệt rõ hơn nguyên tắc đọc các danh từ số ít, số nhiều, động từ thường ở dạng quá khứ để có thể tự đọc đúng.

Một khó khăn nữa là trong việc phát âm những nguyên âm và phụ âm không có trong tiếng Việt, người học có khuynh hướng phát âm phụ âm /θ/ (*thank, think, through, three,...*) thành phụ âm *th* trong tiếng Việt, phụ âm /ð/ trong *this, that, these, those...* như âm *đ* trong tiếng Việt. Người học gặp rất nhiều khó khăn khi phát âm phụ âm /θ/ với đầu lưỡi để giữa 2 răng và để một luồng hơi nhẹ thoát ra như người nói tiếng Anh bản xứ. Với tình trạng này, giáo viên có thể giúp người học bằng cách yêu cầu họ nhìn vào gương, tập để đầu lưỡi giữa 2 răng, để bàn tay trước miệng, đưa một luồng hơi nhẹ để lòng bàn tay có thể cảm nhận được khi phát âm phụ âm /θ/, phát âm riêng từng phụ âm trước sau đó kết hợp với các âm khác trong từ.

Ngoài ra, người Việt Nam còn gặp khó khăn trong việc phân biệt các âm như: /e/ và /æ/ trong *bed* và *bad,...*, /ʌ/ và /a/ trong *love* và *stop* và những nguyên âm đôi, ba /eə/ trong *air, scare, fair,...*, /uə/ trong *tour, February,...*, /aɪə/ trong *fire, liar,...*, /ɔɪə/ trong *loyal, royal,...*, /əʊə/ trong *lower, mower,...* hay *smile, while, style,...* Để khắc phục tình trạng này, người học cần chắc chắn rằng họ phát âm chính xác những nguyên âm riêng lẻ, sau đó kết hợp với các nguyên âm khác trong âm đôi hoặc ba và sau đó là đọc các từ và nói nguyên câu.

Việc phân biệt và phát âm đúng 2 phụ âm /s/ và /ʃ/ trong tiếng Anh cũng là một khó khăn không nhỏ đối với người học Việt Nam, mặc dù trong tiếng Việt có 2 phụ âm này. Bởi vì, trong tiếng Anh, gần như không có nguyên tắc cụ thể khi nào là /s/, khi nào là /ʃ/ như trong *glass, cash, box, boss, send, initial, musician, delicious, sure*. Khi gặp các từ như trong câu *she sell seashells on the seashore* họ có khuynh hướng đọc tất cả thành /s/. Với vấn đề này, người học cần phải cẩn thận khi gặp một từ mới mà mình không biết cách đọc, cần tra từ điển để có cách đọc chính xác, sau đó luyện tập thường xuyên như các từ trong tiếng Việt *xe, sấm,...* Với phụ âm /ʃ/ cần uốn lưỡi cong, đầu lưỡi chạm vào ngạc cứng, đẩy một luồng hơi nhẹ thoát ra qua

hai bên lưỡi, và nhớ đây là một phụ âm vô thanh. Giáo viên có thể hướng dẫn trực tiếp hoặc mô hình bằng hình ảnh của các bộ phận phát âm phát âm phụ âm này.

Giọng địa phương cũng là một trở ngại đối với người học tiếng Anh. Một số học viên đến từ các tỉnh miền Tây không thể nói rõ đủ phụ âm *r*, do đó họ thường gặp khó khăn khi phát âm các từ có phụ âm *r* như: *green, rise, spring, rat,...* Tương tự như vậy, một số học viên đến từ các tỉnh Ninh Bình, Hà Tây, Thái Bình thường nhầm lẫn các âm *l* và *n* và thường nói *My last is...* thay vì *My name...* Với vấn đề này, cả người học và người dạy đều cần kiên nhẫn sửa sai trong phát âm, người học cần được hướng dẫn sự khác nhau trong vị trí của các bộ phận phát âm 2 phụ âm trên để luyện tập. Phụ âm /l/ được phát âm bằng cách nâng đầu lưỡi lên phía chân răng nhưng cạnh của lưỡi thấp cho một luồng hơi thoát ra qua hai bên. Phụ âm /r/ được phát ra bằng cách cong đầu lưỡi về phía sau ngạc cứng.

Một vấn đề nữa của người học tiếng Anh là việc nối âm trong tiếng Anh. Nếu nối âm tốt thì việc nói tiếng Anh sẽ trôi chảy hơn và nghe nhàn nhàng, uyển chuyển hơn. Tuy nhiên, đó thực sự là một vấn đề lớn đối với người học Việt Nam. Trong tiếng Việt, khi nói, chúng ta không nối phụ âm cuối của từ trước với nguyên âm đầu của từ sau như *Cám\_ on, một mình\_ anh*, nhưng trong tiếng Anh thì có. Chẳng hạn: *I killed her /ai kɪl dɜː/; Look at her eyes /lʊk ət hɜː raɪz/; Take her out /teɪkə raʊt/; Hold me up /hoʊld mi ʃʌp/.*

Khi nói tiếng Anh, Người Việt Nam có khuynh hướng nói tách rời từng từ, làm cho tiếng Anh của họ không tự nhiên và trôi chảy. Để khắc phục tình trạng này, người học phải thường xuyên nghe băng, đĩa, xem phim, nghe nhạc bằng tiếng Anh nhằm tăng việc cảm thụ tiếng Anh từ nguồn chính xác và có thể bắt chước một cách tự nhiên, không gò ép.

Sự khác biệt về trật tự từ trong câu, nguyên tắc kết hợp từ trong tiếng Việt và tiếng Anh cũng là một vấn đề lớn. Người học thường nói *I very like him* thay vì *I like him very much*, bởi họ nói theo kinh nghiệm ngôn ngữ của bản thân, và kinh nghiệm đó ảnh hưởng rất nhiều trong quá trình tiếp nhận một ngôn ngữ mới. Họ thường diễn đạt ý mình bằng tiếng Anh nhưng theo cấu trúc và trật tự từ tiếng Việt. Họ kết hợp từ theo kinh nghiệm cá nhân và hầu như là dịch từng từ sang tiếng Anh như: *He runs follow a girl wear red dress* thay vì

*He is running after a girl in the red dress*, điều này làm cho tiếng Anh của họ trở nên khó hiểu. Sự kết hợp từ trong tiếng Anh đôi khi có sự khác biệt rất lớn so với tiếng Việt như: *giặt đồ / e washing; tình cờ/by accident; lau đĩa/dry the dishes; đi ngủ/go to bed; mẹ vợ/mother-in-law*.

Để khắc phục điều này, người học cần phải thường xuyên học hỏi, tra cứu tài liệu sách vở, phim ảnh... nhằm cập nhật thường xuyên kiến thức; ghi nhớ và học thuộc lòng những trường hợp đặc biệt nhằm sử dụng đúng khi cần.

3. Học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, không nên chỉ học từ SGK, giáo trình được soạn sẵn cho phù hợp với trình độ người học, vì nếu như thế, ở một chừng mực nào đó, tiếng Anh của họ sẽ kém tự nhiên. Cần phải học rất nhiều từ các nguồn bên ngoài như sách báo, phim ảnh, giao tiếp thực tế... Chính những kinh nghiệm thực tế sẽ làm cho tiếng Anh của người học sinh động, biểu cảm và đẹp hơn rất nhiều. Lúc đó, ngôn ngữ mới thực sự làm đúng chức năng của nó: chức năng giao tiếp, biểu đạt ý nghĩ, tình cảm và tâm hồn. Về phía người dạy, GV cần có kiến thức chuyên

môn giỏi, có cách truyền đạt hiệu quả, nhất là có cách phát âm chuẩn và tự nhiên như yêu cầu của công việc; cần nỗ lực học tập, trau dồi nâng cao kiến thức. Ngôn ngữ luôn luôn được cập nhật và có sự thay đổi nhất định, tiếng Anh cũng như vậy. Giáo viên tiếng Anh lại cần phải tự hoàn thiện, cập nhật kiến thức và nâng cao khả năng truyền đạt, có như vậy mới có thể đào tạo được những lớp người có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả và tự nhiên. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Avery. P. - Ehrlich. S. **Teaching American English Pronunciation**. Oxford: Oxford University Press, 1995.
2. Heidi Platt - Jack C. Richards - John Platt. **Dictionary of Language Teaching & Applied Linguistics**, Longman, 1993.
3. Finch. G. **Linguistics Terms and concepts**. London: Macmillan Press Ltd, 2000.
4. Roach. P. **English Phonetics and Phonology - A Practical Course**. Second, Edition Cambridge: Cambridge University Press, 1991.
5. Tô Minh Thanh. **Phonetics and Phonology**. University of social sciences and humanities, 2008.

## Đào tạo đại học, cao đẳng...

(Tiếp theo trang 5)

Xây dựng chế độ tài chính; quy định sử dụng các nguồn thu trong giáo dục KCCQ để tái đầu tư tăng cường CSVC, trang thiết bị, thư viện, học liệu cho giáo dục KCCQ.

4) **Xây dựng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực**. Tăng cường bộ máy QLĐT giáo dục KCCQ của các trường ĐH, CĐ. Đối với các trường có quy mô từ 3000 SV KCCQ trở lên phải có bộ phận độc lập để theo dõi QL hình thức ĐT này.

5) **Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra** việc thực hiện chỉ tiêu của các trường ĐH, CĐ; cân đối chỉ tiêu, ngành nghề ĐT cho các vùng miền, nơi có điều kiện KT-XH khó khăn. Kiểm tra các điều kiện về trường lớp, CSVC, phương tiện giảng dạy, chương trình và ngành nghề ĐT. Kiên quyết xử lý các cơ sở giáo dục đặt lớp sai quy định không bảo đảm môi trường sư phạm. Kiểm tra, giám sát các điều kiện mở lớp theo quy định tại Khoản 4, Điều 46, Luật Giáo dục. Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra công tác chuẩn bị thi, coi thi, chấm thi và kiểm tra trúng tuyển như hệ chính quy.

6) **Chấn chỉnh việc tuyển sinh, ĐT VLVH** theo tinh thần cuộc vận động «Chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục» và

«Nói không với ĐT không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội». Tổ chức rà soát, đánh giá việc tổ chức các hoạt động ĐTKCCQ ở các cấp QL từ bộ môn, khoa, trường, học viện trong việc thực hiện nghiêm túc các quy định của quy chế tuyển sinh và ĐT cấp phát văn bằng, bảo đảm chất lượng và đáp ứng nhu cầu ĐT.

7) **Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học, đổi mới cơ chế QL** theo hướng phát huy tính chủ động tích cực của người học, nhằm phát triển các tiềm năng học tập nghiên cứu sáng tạo, phát triển cá nhân gắn kết với xã hội, tìm và tạo việc làm. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giảng dạy, học tập và trong QLĐT, sử dụng giáo trình điện tử trên mạng làm tài liệu giảng dạy trong các lớp ĐTKCCQ.

8) **Tăng cường hợp tác trong ĐTKCCQ** với các cơ sở ĐT trong và ngoài nước, nhất là đối với hình thức hợp tác ĐTTX để tranh thủ sự giúp đỡ về ĐT, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, trang thiết bị, học liệu, nội dung, chương trình và công nghệ ĐT mới. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Luật Giáo dục năm 2005. NXB Giáo dục, H 2005.
2. Bộ GD-ĐT. **Tài liệu tổng kết công tác đào tạo không chính quy**. H 2008.
3. **Niên giám thống kê các năm**. NXB Thống kê.
4. Các website: [www.moet.gov.vn](http://www.moet.gov.vn); [www.edu.net.vn](http://www.edu.net.vn).